TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26- 8-2020
V/v "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Ánh Nhạn
2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về "Tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1976, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt,
- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1975, vắng mặt không có lý do
Cùng địa chỉ: Tổ 14, ấp R, xã TĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-3-2020, trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị yêu cầu được ly hôn với chồng tên Nguyễn Minh T, chồng chị nói không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng, nhân viên bưu điện có đến nhà gửi giấy tờ của Tòa án cho anh T nhưng anh T từ chối không nhận, nhà cha mẹ chị cũng gần với nhà riêng của vợ chồng, hiện nay anh T đng sống ở đó với 02 con chung. Về con chung: 02 con chung tên: Nguyễn Tuấn K, sinh năm: 1998 và Nguyễn Quốc D, sinh năm: 2000, đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Vợ chồng chị chung sống với nhau từ năm 1996, có làm lễ tuyên bố, có đăng ký kết hôn vào năm tại UBND xã TĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chị cư trú bên gia đình chồng, sau đó xây dựng nhà riêng trên đất của cha mẹ chồng tạm cho tại tổ 14, ấp R, xã TĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn từ năm 2009, nguyên nhân do: Chồng ham chơi cùng bạn bè, thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện cãi vã, chửi chị. Chị có khuyên can nhiều lần nhưng chồng chị không thay đổi. Từ tháng 8-2019 đến nay chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không ai có thiện chí hàn gắn. Chị yêu cầu được ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh có nhận giấy triệu tập của Tòa án, anh không đuổi chị T đi, tự chị T bỏ đi. Vợ chồng sống không có mâu thuẫn gì, từ đầu năm 2019 chị T liên tục đi khám bệnh, tuần nào cũng đi ngày chủ nhật, khi đi khám bệnh về nói treo thuốc trên xe bị người ta trộm mất, có lần chị T nói đi đám cưới nhưng lấy đến 03 bộ quần áo đi du lịch ở Vũng Tàu. Vào ngày 17-7-2019 chị Tuyết nói đi khám bệnh rồi tắt máy điện thoại luôn.

Nay anh không đồng ý ly hôn, anh không làm gì sai, do chị T lừa gạt anh. Về con chung: 02 con đã trưởng thành, anh không yêu cầu. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh ông Trần Anh Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình tham gia tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quy định với Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Minh T.

+Về con chung: Có 02 con chung tên: Nguyễn Tuấn K, sinh năm: 1998 và Nguyễn Quốc D, sinh năm: 2000, do 02 cháu đã thành trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được nên cả hai không yêu cầu giải quyết.

+Về tài sản chung: Cả hai khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.
+ Về nợ chung: Cả hai khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.
+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Minh T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Minh T chung sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T có yêu cầu ly hôn, Toà án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Do anh chị tính tình không hợp nhau, anh chị chưa thực sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ và giúp đỡ nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng anh chị mâu thuẫn và sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau, đến nay không hàn gắn được. Nay trong quá trình giải quyết vụ án chị T có yêu cầu ly hôn, anh T đã có ý kiến trình bày, đã nhận các văn bản của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do ở giai đoạc tố tụng tiếp theo, từ chối nhận văn bản qua đường bưu chính, không đến tham gia phiên họp về hòa giải, phiên tòa. Xét thấy, mâu thuẫn của chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị khai thống nhất có 02 con chung tên: Nguyễn Tuấn K, sinh năm: 1998 và Nguyễn Quốc D, sinh năm: 2000, cả 02 cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được nên anh chị không yêu cầu giải quyết, 02 cháu hiện đang sống với anh T. Xét thấy, hai cháu đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được, anh chị không yêu cầu giải quyết nên cần ghi nhận không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ghi nhận chị T và anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ghi nhận chị Tuyết và anh Thủy khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Minh T. Chị T được ly hôn với anh T.

2.Về con chung: Ghi nhận chị T và anh T khai thống nhất có 02 con chung tên: Nguyễn Tuấn K, sinh năm: 1998 và Nguyễn Quốc D, sinh năm: 2000, hai cháu hiện đang sống với anh T, cả hai cháu đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được nên anh chị không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị T và anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị T và anh T khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000069 ngày 0000231 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Minh Hiếu